

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH LÀO CAI
TRƯỜNG TH, THCS, THPT
QUỐC TẾ CANADA - LÀO CAI
Số: / /CKGD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----

TP. Lào Cai, ngày 24 tháng 06 năm 2025

THÔNG BÁO

THỰC HIỆN CÔNG KHAI ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG
GIÁO DỤC QUỐC DÂN TẠI TRƯỜNG TH, THCS, THPT QUỐC TẾ CANADA - LÀO CAI
NĂM HỌC 2024-2025

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC:

1. **Tên cơ sở giáo dục:** Trường TH, THCS, THPT Quốc tế Canada - Lào Cai.
2. **Địa chỉ:** Nút giao 19/5, đường (B9-B10), phường Bình Minh, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
3. **Điện thoại:** (0283)8 95 95 95
4. **Trang thông tin điện tử:** <https://cis-laocai.edu.vn/>
5. **Địa chỉ thư điện tử:** enquiry@cis-laocai.edu.vn ; principal.office@cis-laocai.edu.vn
6. **Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục, Quá trình hình thành và phát triển**
Chi tiết tại mục “**Giới thiệu**” trên trang điện tử của trường.
7. **Thông tin pháp lý:**
 - a) Loại hình cơ sở giáo dục: Tư thục
 - b) Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo Tỉnh Lào Cai
 - c) Tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục: Công ty Cổ phần Đầu tư Giáo dục K-12 Canada - Việt Nam.
 - d) Người đại diện pháp luật: Thầy Ian David Wilson
 - Chức vụ: Hiệu trưởng
 - Địa chỉ làm việc: Nút giao 19/5, đường (B9-B10), phường Bình Minh, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai
 - Số điện thoại: (0283)8 95 95 95
 - Thư điện tử: principal.office@cis-laocai.edu.vn

8. Tổ chức bộ máy:

- a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường; công nhận hiệu trưởng ...

Tên Quyết định	Số Quyết định	Ngày cấp
Quyết định của UBND TP Lào Cai cho phép thành lập:	4476/QĐ-UBND	22/12/2021
Quyết định của Sở GD&ĐT Tỉnh Lào Cai cho phép hoạt động giáo dục:	06/QĐ-SGD&ĐT	06/01/2023
Quyết định công nhận Hiệu trưởng của Sở GD&ĐT Tỉnh Lào Cai:	1290/QĐ-SGD&ĐT	22/09/2023
Quyết định công nhận Hội đồng trường của Sở GD&ĐT Tỉnh Lào Cai	1291/QĐ-SGD&ĐT	22/09/2023
Quyết định cho phép tổ chức hoạt động giáo dục của Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Quốc tế Canada - Lào Cai (Chương trình IGCSE và AS/A-level) do Sở Giáo dục và Đào tạo Lào Cai ban hành.	1396/QĐ-SGD&ĐT	11/09/2024
Quyết định đồng ý tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống và giáo dục ngoài giờ chính khoá cho Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Quốc tế Canada - Lào Cai do Sở Giáo dục và Đào tạo Lào Cai ban hành.	680/SGD&ĐT-GDNN&GDTX	17/4/2025

b) Danh sách hội đồng trường và chủ tịch hội đồng trường.

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Chủ tịch
2	Trịnh Quang Đồng	Ủy viên
3	Trịnh Quang Khôi Nguyên	Ủy viên

4	Trịnh Quang Đồng Thảo	Ủy viên
5	Ian David Wilson	Ủy viên

c) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

STT	Họ và tên	Chức danh	Số Quyết định	Ngày cấp
1	Ông Ian David Wilson	Hiệu trưởng	1290/QĐ-SGD&ĐT	22/09/2023
2	Bà Trần Thúy Duyên	Phó Hiệu trưởng	1287/QĐ-SGD&ĐT	22/09/2023

9. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

a) Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục: Chi tiết tại trang điện tử của nhà trường (mục “**Giới thiệu**”, “**Tuyển sinh**”, “**Chương trình hỗ trợ**” và “**Lộ trình học tập**”)

b) Các văn bản khác của trường: Chi tiết tại trang điện tử của nhà trường (mục “**Tin tức & Sự kiện**” / “**Thông báo**”)

10. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

S T T	Nội dung	Tổng số	Năm học 2024-2025						Tổng số	Năm học 2023-2024						
			Trình độ đào tạo							Trình độ đào tạo						
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC		TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên		119		5	75	15		24	115		3				
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	52		3	39				30		3					
1	GVCN khối tiểu học	6			6				6			6				

2	Toán	3			3				2			2			
3	Lý	3			3				2			2			
4	Hóa	2			2				1			1			
5	Văn	2			2				2			1			
6	Sử	1		1					1		1				
7	Địa	2		1	1				1			1			
8	Sinh	1			1				1			1			
9	Tin	1		1					1			1			
10	Công dân	1			1				0			0			
11	Tiếng Anh	18		3	15				7			7			
12	Thể dục & Bơi	2			2				2			2			
13	Âm nhạc	1			1				0			0			
14	Mỹ thuật	2			2				1			1			
15	GDQP	1			1				0			0			
16	KHCN	4			4				2			2			
17	Toán TA Tiểu học	1			1				0			0			
18	Tâm lý	1			1				1			1			
II	Cán bộ quản lý	2		2					2		2				
1	Hiệu trưởng	1		1					1		1				
2	Phó hiệu trưởng	1		1					1		1				
II	Nhân viên	75			36	15	1	23	67			35	15	1	16

1	Nhân viên văn thư	1			1			1			1			
2	Nhân viên kế toán	5			5			4			4			
3	Thủ quỹ	1			1			1			1			
4	Nhân viên y tế	1					1	1					1	
5	Nhân viên thư viện	1			1			1			1			
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1			1			1			
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0												
8	Nhân viên công nghệ thông tin	2			2			2			2			
9	Học vụ	2			2			1			1			

- Thông tin chi tiết về Đội ngũ Giáo viên và Ban Quản lý được cập nhật trên chi tiết tại trang điện tử của nhà trường (mục “**Giới thiệu**”)

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung

STT	Nội dung	Năm học 2024-2025		Năm học 2023-2024	
		Số lượng	Bình quân	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	79	60m2	79	60m2
II	Loại phòng học				
1	Phòng học kiên cố	79	60m2	79	60m2

5	Số phòng học bộ môn	6	89m ²	6	89m ²
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	2	700m ²	1	139m ²
7	Bình quân lớp/phòng học	1	60m ²	1	60m ²
8	Bình quân học sinh/lớp	15.4	60m ²	16	60m ²
III	Số điểm trường	1	100.000m ²		100.000m ²
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)		45.000m ²		45.000m ²
V	Tổng diện tích các phòng	1		1	
1	Diện tích phòng học (m ²)	60m ²			60m ²
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	89m ²			89m ²
3	Diện tích thư viện (m ²)	510m ²			510m ²
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	3500m ²			3500m ²

	Nội dung	Số lượng (m ²)	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	332m ²	332m ²
XI	Nhà ăn	1032m ²	1032m ²

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ

1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		25 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					\

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	https://esh.edu.vn/	
XIX	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- a, **Kiểm định Cognia:** Trường Albert Einstein đạt kiểm định chất lượng Quốc tế Cognia của Mỹ năm 2023 cùng với hệ thống trường Quốc tế Canada. (Cognia là tổ chức kiểm định lớn nhất thế giới, có lịch sử 125 năm, đã thực hiện kiểm định 40.000 trường học/tổ chức tại 85 quốc gia trên toàn thế giới. Cognia sở hữu những cơ quan kiểm định vùng lớn nhất tại Mỹ (NCA CASI, NWAC, SACS CASI).
- b, **Báo cáo đánh giá ngoài:** đang hoàn thành giai đoạn 1, tháng 9/2025 Sở GD&ĐT sẽ tổ chức đoàn kiểm tra đến trường để làm việc cho các bước tiếp theo.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

- Khối Tiểu Học

STT	Nội dung	Tổng số	Năm học 2024-2025					Tổng số	Năm học 2023-2024				
			Chia ra theo khối lớp						Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	104	22	23	16	19	24	84	22	16	20	20	6

STT	Nội dung	Tổng số	Năm học 2024-2025					Tổng số	Năm học 2023-2024				
			Chia ra theo khối lớp						Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	104	22	23	16	19	24	84	22	16	20	20	6
III	Số học sinh chia theo phẩm chất	104	22	23	16	19	24	84	22	16	20	20	6
1	Tốt <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	104	22	23	16	19	24	84	22	16	20	20	6
2	Đạt <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Cần cố gắng <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	104	22	23	16	19	24	84	22	16	20	20	6
1	Hoàn thành xuất sắc <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	74	22	18	11	12	11	57	19	11	13	9	5
2	Hoàn thành tốt <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	19	0	4	4	4	7	21	3	5	6	6	1
3	Hoàn thành <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	11	0	1	1	3	6	6	0	0	1	5	0
4	Chưa hoàn thành <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	104	22	23	16	19	24	84	22	16	20	20	6
1	Lên lớp <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	104	22	23	16	19	24	84	22	16	20	20	6
a	Trong đó: <i>HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)</i>	93	22	22	15	16	18	77	22	16	19	15	5

STT	Nội dung	Tổng số	Năm học 2024-2025					Tổng số	Năm học 2023-2024				
			Chia ra theo khối lớp						Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

- Khối THCS & THPT

ST T	Nội dung	Tổng số	Năm học 2024-2025						Tổng số	Năm học 2023-2024				
			Chia ra theo khối lớp							Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10
I	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện	71	11	29	23	8	19	11	88	25	23	17	11	12
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	69	11	28	23	7	19	11	88	25	21	17	11	12
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	2	0	1	0	1	0	0	2	0	2	0	0	0
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Chưa Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo kết quả học tập	71	11	29	23	8	19	11	88	25	23	17	11	12

[illegible]

[illegible]

VI I	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)													
VI II	Số học sinh nam/số học sinh nữ	64/37	5/6	17/12	11/12	6/2	16/3	9/2	56/32	16/9	10/13	11/6	9/2	10/2
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	7	0	3	0	1	1	2	7	3	0	1	1	2

- Tỷ lệ học sinh đỗ vào các trường Đại học/ Cao đẳng

STT	Học sinh lớp 12 trúng tuyển Đại học, Cao đẳng	Năm học 2024- 2025		Năm học 2023- 2024	
		Số lượng	%	Số lượng	%
1	ĐH-CD tại Việt Nam	chưa có	chưa có	chưa có	chưa có
2	ĐH-CD Quốc tế tại VN	chưa có	chưa có	chưa có	chưa có
3	Du học	chưa có	chưa có	chưa có	chưa có
4	Khác	chưa có	chưa có	chưa có	chưa có

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các khoản thu: Chi tiết tại trang điện tử của nhà trường (mục “**Tuyển sinh**”)

- Học phí
- Các phí khác: Phí dịch vụ (xe đưa rước, đồng phục, giáo trình, phí ăn...)
- Lãi tiền gửi
- Các khoản thu hợp pháp khác (nếu có)

2. Các khoản chi:

- Tiền lương và phúc lợi cho đội ngũ nhân sự
- Các khoản chi đảm bảo vận hành, cơ sở vật chất, hoạt động phong trào, thi đua khen thưởng, ...
- Các khoản chi khác như đào tạo chuẩn hóa đội ngũ, tham quan học tập trong và ngoài nước, giao lưu quốc tế, ...

3. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

STT	Nội dung chính sách	Năm học 2025 - 2026 (Dự kiến)	Năm học 2024-2025
1	Số suất học bổng khuyến học	0	0
2	Số suất học bổng tài năng	22	7
3	Số suất ưu đãi con cán bộ giáo viên, nhân viên trong trường	3	3
4	Số suất ưu đãi con cán bộ giáo viên, nhân viên của các đơn vị trong cùng tập đoàn	0	0
5	Số suất ưu đãi khác	0	0

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

4. Số dư các quỹ theo quy định, kê cả quỹ đặc thù (nếu có).

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo. Trường tổ chức đào tạo cho giáo viên tổ trưởng/khối trưởng và giáo viên chủ nhiệm. Tổ chức các ngày định hướng chuyên môn, phát triển chuyên môn cho đội ngũ sư phạm nhà trường 5 lần trong năm học 2024-2025.

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác giáo dục: tập huấn hướng đến sử dụng học bạ số, chữ ký số.

TP Lào Cai, ngày 30 tháng 6 năm 2025

KT. Hiệu trưởng

Phó Hiệu trưởng

(Kí và ghi rõ họ tên)



TRẦN THÚY DUYÊN